TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HD** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2025
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Danh On và ông Lâm Thái Hiệp**

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng T, sinh ngày 14/6/2005

Địa chỉ: ấp V, xã NQ, huyện HD, tỉnh BL

Bị đơn: Anh Trần Duy T, sinh ngày 09/6/2004

Địa chỉ: ấp NĐ, xã NQ, huyện HD, tỉnh BL

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp NĐ, xã NQ, huyện HD, tỉnh BL

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T và bà Nh vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: giữa chị và anh Trần Duy T đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 11/6/2024 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: do trong thời gian chung sống giữa vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh T nghe lời cha mẹ ruột nên đối xử rất tệ đối với chị, khi chị mang thai thì anh T không quan tâm lo lắng, cha mẹ anh T khó khăn với chị trong sinh hoạt hàng ngày, khi chị sinh con được khoảng 8 ngày (ngày 14/11/2024) thì cha mẹ anh T mang đồ đạc của chị vứt bỏ ra ngoài, nên chị đã về nhà cha mẹ ruột chị ở cho đến nay, trong khoảng thời gian này anh T và gia đình anh T không qua thăm con cháu. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Duy T.

Về con chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh T có với nhau 01 người con chung tên Trần Minh Thư, sinh ngày 06/11/2024, hiện chị đang trực tiếp nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định trong ngày đám hỏi gia đình anh T có cho 15 chỉ vàng 24k gồm có: 01 dây chuyền 10 chỉ, 01 lắc tay 5 chỉ; thân tộc bên chồng cho 3,5 chỉ vàng 24k. Vài ngày sau khi đám hỏi xong mẹ chồng chị có kêu chồng chị mang xuống cho chị mặt dây chuyền 1 chỉ vàng 24k. Ngày đám cưới thân tộc bên chồng có cho chiếc nhẫn 0,5 chỉ vàng 24k, vài ngày sau đám cưới anh chồng cho thêm 0,5 chỉ vàng 24k. Tổng cộng tài sản chung vợ chồng được cho trong ngày đám hỏi, đám cưới là 20,5 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới xong thì vợ chồng chị chung sống với gia đình chồng, mẹ chồng chị là bà Trần Thị Nh có nói với vợ chồng chị đưa toàn bộ số vàng cưới cho bà cất giữ với lý do là vợ chồng chị không có tủ cất giữ, nên chị đã đưa toàn bộ số vàng này cho mẹ chồng cất giữ dùm, việc chị đưa vàng cho mẹ chồng chị giữ dùm thì chỉ có chồng chị biết chứ ngoài ra không có ai khác chứng kiến, khi chị về nhà cha mẹ ruột chị ở thì chị cũng không có mang theo số vàng này. Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định, bà Nh thừa nhận chỉ có nhận gửi giữ của chị là 20 chỉ vàng 24k thì chị cũng đồng ý và yêu cầu bà Nh giao trả số vàng này để vợ chồng chị chia đôi sau khi đã trừ các chi phí hợp lý trong khoảng thời gian chị nuôi con nhưng anh T không có phụ giúp.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định vợ chồng chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Trần Duy T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Trần Duy T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nh trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2025: Bà Nh xác định bà là mẹ ruột anh Trần Duy T. Trong ngày đám hỏi của chị T và anh T thì bà có cho vợ chồng chị T và anh T tổng cộng 15 chỉ vàng 24k, thân tộc bên nội và ngoại của anh T có cho thêm tổng cộng 5 chỉ vàng 24k. Tổng cộng số vàng cưới của chị T và anh T là 20 chỉ vàng 24k. Sau khi cưới thì chị T và anh T có gửi bà cất dùm toàn bộ số vàng cưới này. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu bà giao trả số vàng này cho chị T

để chia khi ly hôn thì bà không đồng ý, do việc chị T tự ý ly hôn, gia đình bà và con bà không có làm gì có lỗi với chị T. Do chị T tự ý kêu gia đình rước về chứ gia đình bà và con bà không có xua đuổi hay ngược đãi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Trần Duy T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nh chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng được T kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của chị Nguyễn Hồng T đối với anh Trần Duy T. Buộc bà Trần Thị Nh có nghĩa vụ giao trả 20 chỉ vàng 24k cho chị T và anh T.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định không đặt ra yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Hồng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Duy T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung với anh Trần Duy T. Anh Trần Duy T có địa chỉ cư trú tại huyện HD. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện HD.

Anh Trần Duy T và bà Trần Thị Nh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T và bà Nh vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Duy T và bà Trần Thị Nh.

[2] Về nội dung vụ án: Chị T và anh T chung sống với nhau tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống T và anh T có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NQ, huyện HD, tỉnh BL vào ngày 11/6/2024 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T: Hội đồng đồng xét xử thấy rằng, mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị T và anh T lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Hiện chị T và anh T cũng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian qua cả chị T và anh T đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện muốn hàn gắn lại với nhau, chị T và anh T không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình Tòa án làm việc và tại phiên tòa hôm nay, chị T xác định vợ chồng anh không còn khả năng tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, nếu Tòa án giải quyết không cho chị ly hôn với anh T thì chị cũng không thể tiếp tục chung sống với anh T được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Hồng T có nguyện vọng nuôi con khi ly hôn. Xét thấy cháu Trần Minh Thư, sinh ngày 06/11/2024 đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi", nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị T nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Hồng T yêu cầu anh Trần Duy T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật, cho đến khi con tròn 18 tuổi. Theo quy định tại các Điều 82, 83, 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì chị T có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, đây thể hiện trách nhiệm làm cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định: *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các*

bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”. Đối chiếu với quy định thì mức lương tối thiểu vùng tại huyện HD là 3.450.000 đồng. Do đó, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động như ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng được T kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định tài sản chung được tặng cho trong ngày cưới là 20 chỉ vàng 24k, số vàng này hiện bà Trần Thị Nh đang trực tiếp quản lý. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2025 bà Trần Thị Nh thừa nhận số vàng cưới của chị T và anh T là 20 chỉ vàng 24k và hiện bà đang cất giữ dùm, nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh.

Chị T yêu cầu bà Nh giao trả số vàng cưới là 20 chỉ vàng 24k để chia khi ly hôn với anh T: Xét thấy, nguồn gốc tài sản chung là do gia đình và thân tộc nội ngoại anh T cho trong ngày cưới. Nguyên tắc, tài sản chung của vợ chồng là chia đôi. Tuy nhiên, khi sinh con được 8 ngày, đến ngày 14/11/2024 thì chị T về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay, trong khoảng thời gian này anh T và gia đình anh T không qua thăm con cháu cũng như phụ giúp nuôi con, mọi chi phí lo cho con như tã, sữa, ăn uống, quần áo, điều trị bệnh…..đều do chị T trực tiếp lo, trong khi đó con còn nhỏ nên chị T không thể đi làm để kiếm tiền nuôi con. Do đó, khi xem xét chia tài sản chung thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chia cho chị T số tài sản nhiều hơn anh T để bù vào khoản chi phí trong khoản thời gian chị T nuôi con nhưng anh T không phụ giúp, cũng như để bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế. Cụ thể chia cho chị T được hưởng 13 chỉ vàng 24k, chia cho anh T 7 chỉ vàng 24k. Toàn bộ số vàng này hiện bà Nh đang quản lý nên cần buộc bà Nh giao trả cho chị T 13 chỉ vàng 24k, giao trả cho anh T 7 chỉ vàng 24k.

Tại thời điểm xét xử giá vàng 24k có giá là 11.440.000 đồng/chỉ.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng T phải chịu: 13 chỉ vàng 24k x 11.440.000 đồng = 148.720.000 đồng x 5% = 7.436.000 đồng. Chị T đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.425.000 đồng theo biên lai thu số 0004083 ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD được khấu trừ, buộc chị T phải nộp tiếp số tiền là 5.311.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[8] Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Duy T phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc anh Trần Duy T phải chịu: 7 chỉ

vàng 24k x 11.440.000 đồng = 80.080.000 đồng x 5% = 4.004.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 33, 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Hồng T đối với anh Trần Duy T; Xử cho chị Nguyễn Hồng T được ly hôn với anh Trần Duy T.

2/.Về con chung: giao người con chung tên Trần Minh Thư, sinh ngày 06/11/2024 cho chị Nguyễn Hồng T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Trần Duy T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh Thư, sinh ngày 06/11/2024 mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Minh Thư đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng được T kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

4/.Về tài sản chung: Chia cho chị Nguyễn Hồng T được hưởng 13 chỉ vàng 24k. Buộc bà Trần Thị Nh giao trả cho chị T 13 chỉ vàng 24k (loại vàng 24k đang lưu hành trên thị trường)

Chia cho anh Trần Duy T 7 chỉ vàng 24k. Buộc bà Trần Thị Nh giao trả cho anh Trần Duy T 7 chỉ vàng 24k (loại vàng 24k đang lưu hành trên thị trường).

5/. Về nợ chung: Chị Nguyễn Hồng T xác định không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6/. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng T phải chịu 7.436.000 đồng. Chị T đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.425.000 đồng theo biên lai thu số 0004083 ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD được khấu trừ, buộc chị T phải nộp tiếp số tiền là 5.311.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

7/. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Duy T phải chịu 300.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc anh Trần Duy T phải chịu 4.004.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

8/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8/. Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy T và bà Trần Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- UBND xã NQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm